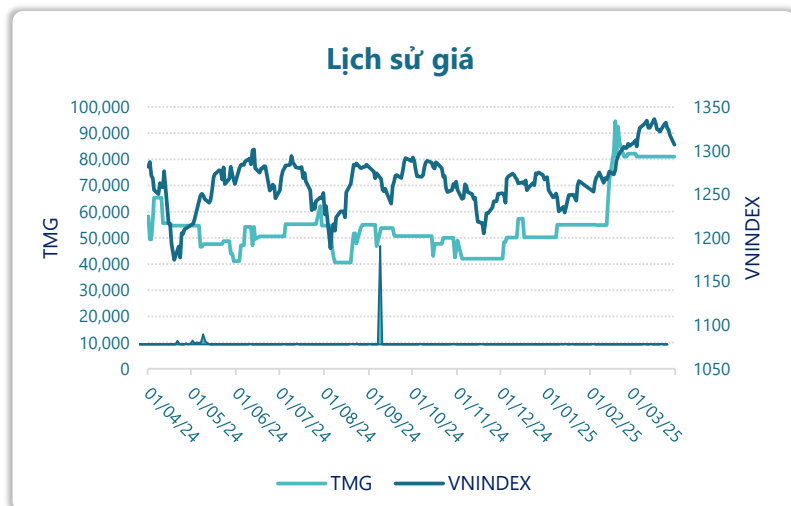


CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (UPCOM: TMG)



Thông tin giao dịch 31/03/2025	
Giá hiện tại (VNĐ)	81,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	94,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,600
SL cổ phiếu LH	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	325
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,458
P/E	22.8
EPS	3,555

DT thuần
Q1/25

311

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.0| -9.4%

YoY: ▲ 59.0| 23.3%

LN sau thuế
Q1/25

13.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.10| -19.4%

YoY: ▲ 8.84| 212%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

7.7%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần
2024

1,158

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 191| 19.8%

LN sau thuế
2024

68.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.5| 84.1%

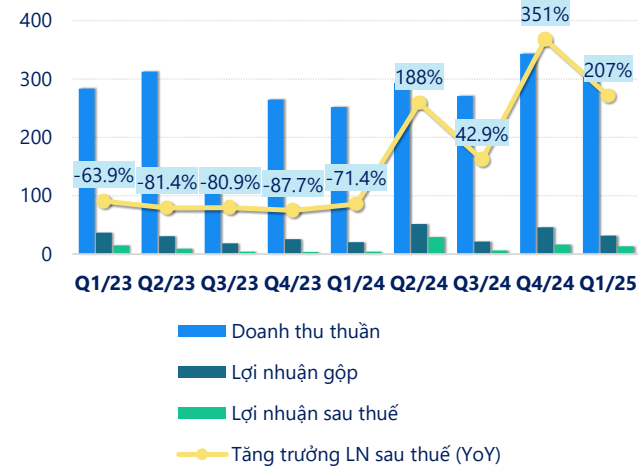
ROE
2024

26.9%

+/- YoY: ▲ 13.5%

tỷ VNĐ

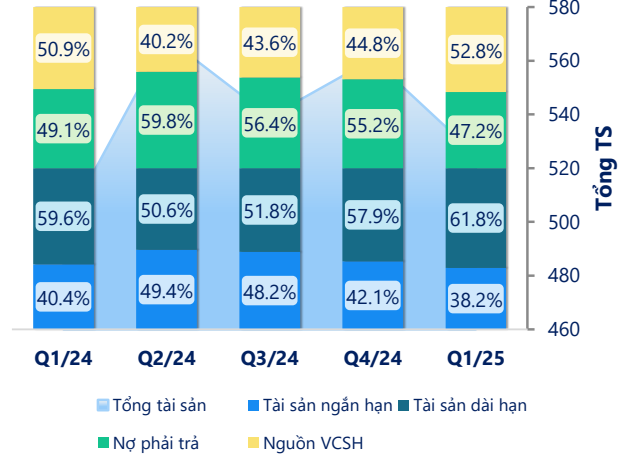
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

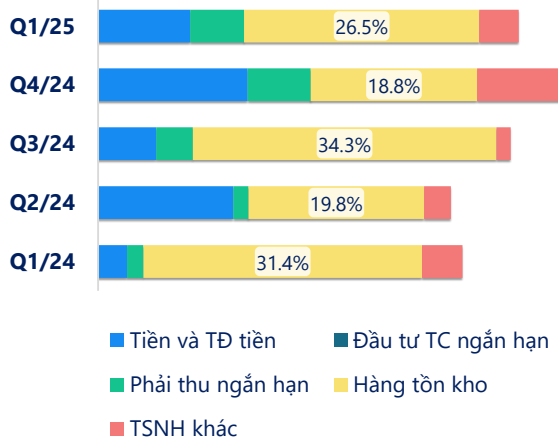
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



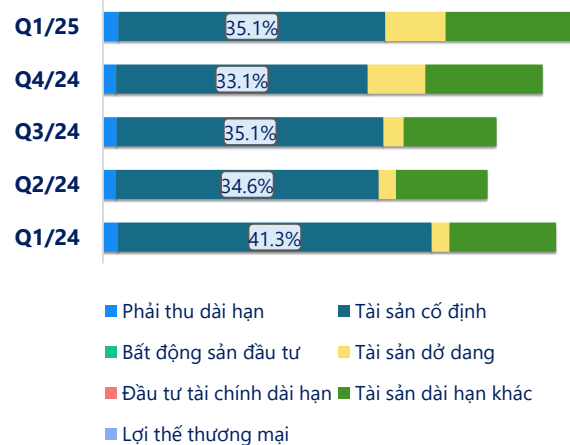
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

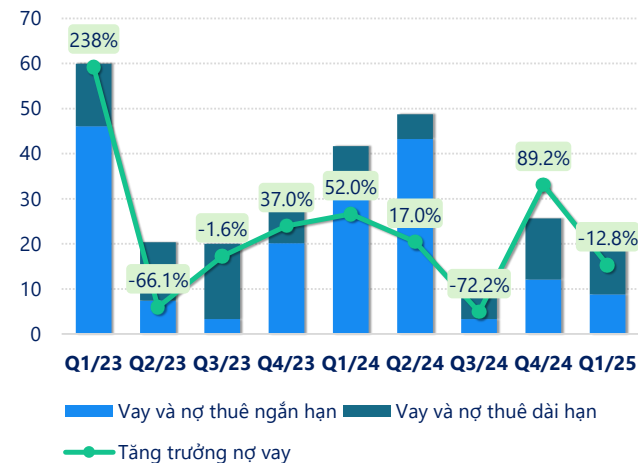
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

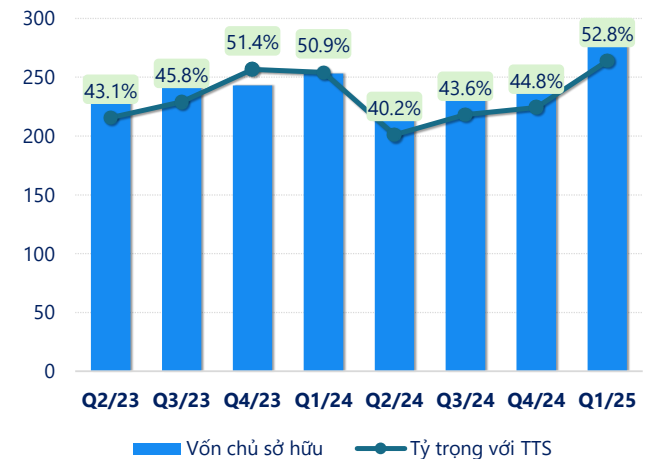
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

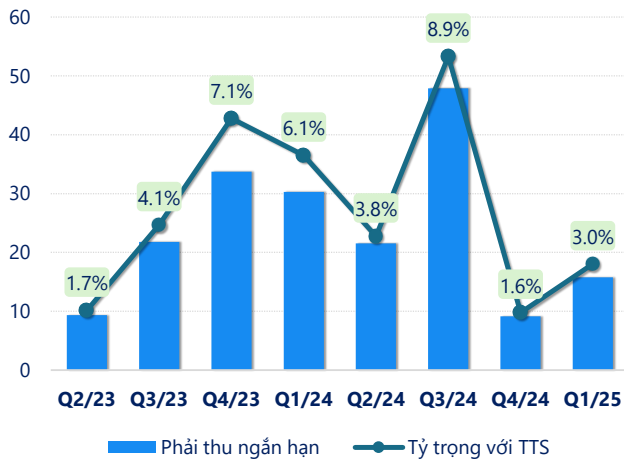
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



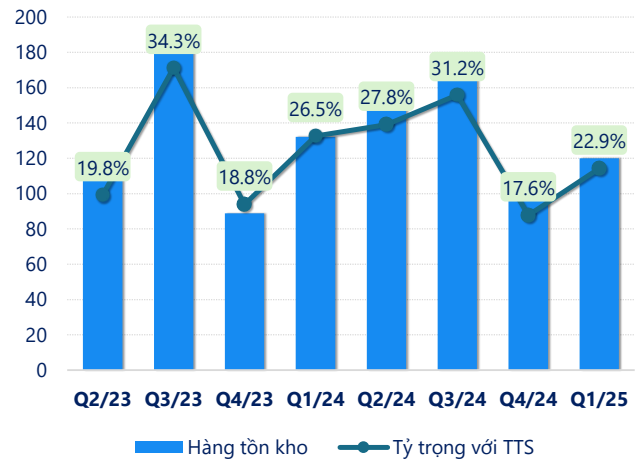
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


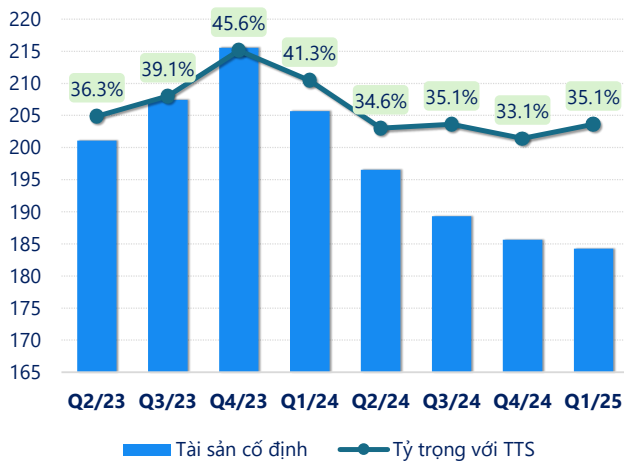
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


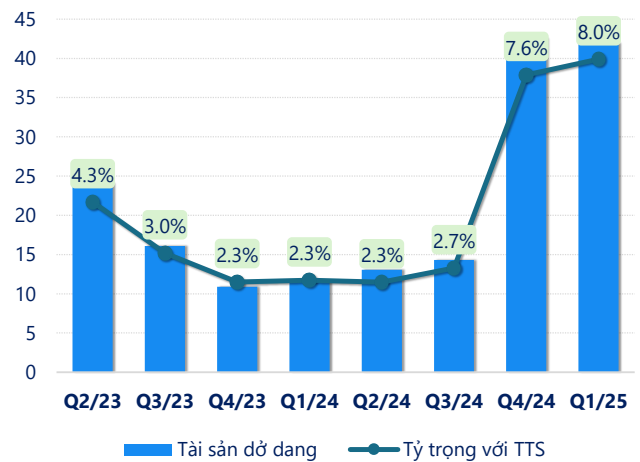
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

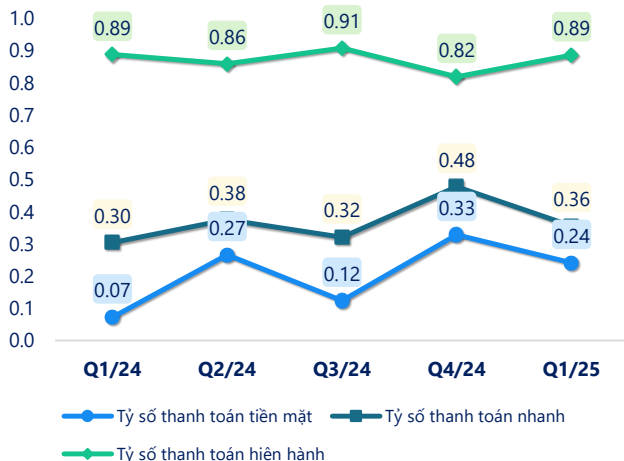
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

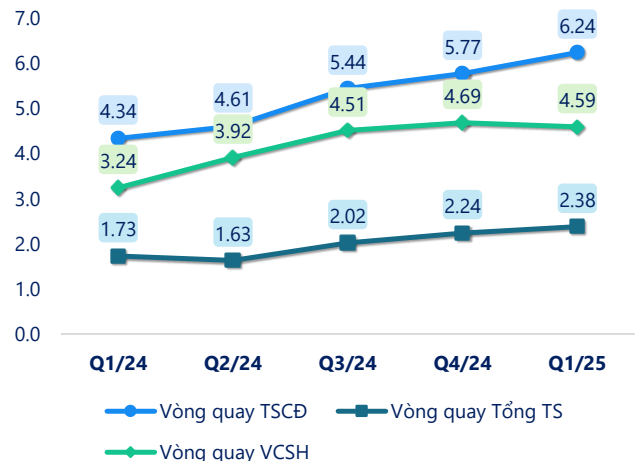
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	498	569	539	561	525
Tài sản ngắn hạn	201	281	260	236	200
Tiền và tương đương tiền	16.3	86.9	35.5	94.6	54.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	30.3	21.5	47.9	9.13	15.8
Hàng tồn kho	132	158	168	98.4	120
Tài sản ngắn hạn khác	22.2	14.2	8.29	33.9	10.1
Tài sản dài hạn	297	288	279	325	325
Phải thu dài hạn	9.80	9.80	9.80	9.80	10.7
Tài sản cố định	206	197	189	186	184
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.7	13.1	14.3	42.5	41.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	69.8	68.5	66.0	86.6	87.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	245	340	304	309	248
Nợ ngắn hạn	226	327	286	288	226
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.4	43.2	3.28	12.1	8.79
Phải trả người bán ngắn hạn	89.7	78.4	94.9	152	112
Nợ dài hạn	18.3	13.3	17.8	21.0	21.8
Vay và nợ thuê dài hạn	10.3	5.53	10.3	13.6	13.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	253	229	235	251	277
Vốn chủ sở hữu	253	229	235	251	277
Vốn điều lệ	180	180	180	180	180
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)